

Số: 61 /TB-TMDK

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 08 năm 2025

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Gói thầu: Phi tư vấn- Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn

Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex) thông báo mời chào hàng cạnh tranh theo Quy chế Công ty như sau:

Bên mời thầu: Công ty cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (Petimex ).

Địa chỉ: số 472 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773.856925

Tên gói thầu: Phi tư vấn- Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn

Địa điểm công trình: QL 30 Phường Mỹ Ngãi (Phường 11 cũ), tỉnh Đồng Tháp

Giá gói thầu: 617.213.370đồng

Nội dung chính của gói thầu: Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày

Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh không qua mạng

Thời gian phát hành hồ sơ miễn phí từ ngày đăng website công ty: Ngày 13/08/2025 đến trước khi đóng thầu (trong giờ hành chính).

Địa điểm nhận phát hành hồ sơ: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Petimex -

Địa chỉ: số 472 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp hoặc trang website Petimex

Giá trị bảo đảm dự thầu: 9.200.000 đồng

Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 60 ngày

Thời điểm đóng thầu: 10 giờ 15 phút ngày 26 tháng 08 năm 2025

Thời điểm mở thầu: 10 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 08 năm 2025 (thứ ba)

Công ty cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp, kính mời các nhà thầu quan tâm tham gia và nộp hồ sơ dự chào hàng cạnh tranh vào thời gian và địa điểm nêu trên.



Lê Thanh Mân

# HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

|                               |                                                                                                                                           |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên gói thầu:                 | Phi tư vấn - Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toản |
| Công trình:                   | Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toản                                                                                                          |
| Phát hành ngày:               | 13/08/2025                                                                                                                                |
| Ban hành kèm theo Quyết định: | Số 323/QĐ-TMDK ngày 06/08/2025 của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp                                                           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 323 /QĐ-TMDK

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 08 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu**

**Gói thầu: Phi tư vấn- Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn**

## **TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-TMDK ngày 22/07/2025 của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thành lập tổ mua sắm gói thầu phi tư vấn Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn;*

*Theo Tờ trình của tổ mua sắm số 112/TTr-PKHĐT ngày 05/08/2025 về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu Phi tư vấn - Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu Phi tư vấn- Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn như hồ sơ đính kèm.

**Điều 2.** Giao Tổ mua sắm chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ yêu cầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phó Tổng Giám đốc phụ trách, Trưởng các Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kiểm soát nội bộ, Tổ mua sắm liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHDT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ THANH MÂN**

## HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

|                              |                                                                                                                                           |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên gói thầu:                | Phi tư vấn - Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn |
| Công trình:                  | Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn                                                                                                          |
| Phát hành ngày:              | 13/08/2025                                                                                                                                |
| Ban hành kèm theo Quyết định | Số 323/QĐ-TMDK ngày 06/08/2025 của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp                                                           |

**CHỦ ĐẦU TƯ  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đinh Thiện Hiền**

**Người lập**

**Huỳnh Mộng Kiều**

## MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

A. Khái quát

B. Chuẩn bị HSĐX

C. Nộp và mở HSĐX

D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu

E. Trao Hợp đồng

### **Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX**

### **Chương III. Biểu mẫu**

Mẫu số 1. Đơn chào hàng

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 4. kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh

Mẫu số 6. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu

Mẫu số 8. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu

Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu

Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu

Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu và tiến độ thực hiện

Mẫu số 12. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

### **Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **Chương V. Dự thảo hợp đồng**

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|      |                                    |
|------|------------------------------------|
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh |
| HSDX | Hồ sơ đề xuất                      |
| VND  | Đồng Việt Nam                      |

# **Chương I**

## **CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

### **A. KHÁI QUÁT**

#### **1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng**

1.1 Bên mời thầu phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Phi tư vấn - Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ thực hiện.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau: gói thầu Phi tư vấn - Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

#### **2. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh**

#### **3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

#### **4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường**

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC trước ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDX. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cũng như rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khảo sát hiện trường. Nhà thầu cần liên hệ trước với bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

### **B. CHUẨN BỊ HSDX**

#### **5. Chi phí dự thầu**



Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

## **6. Ngôn ngữ của HSDX**

Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

## **7. Thành phần của HSDX**

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 2;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Các nội dung khác: ...

## **8. Đơn chào hàng và các bảng biểu**

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

## **9. Giá dự thầu và giảm giá**

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục công việc.

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo biểu giá quy định tại Mẫu số 11.

## **10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:**

Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND

## **11. Thành phần đề xuất kỹ thuật**



Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

## **12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

## **13. Thời hạn hiệu lực của HSDX**

13.1 HSDX phải có hiệu lực trong 30 ngày. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX

## **14. Bảo đảm dự thầu**

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại.

b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung bảo đảm dự thầu:

- Giá trị bảo đảm dự thầu: 9.200.000 VND
- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 60 ngày

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả

## **15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX**

15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị **01 bộ HSDX gốc** và ghi rõ “**BẢN GỐC**”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp **03 bản chụp** của HSDX và phải ghi rõ “**BẢN CHỤP**”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

15.2. Túi đựng HSDX của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

## **C. NỘP VÀ MÔ HSDX**

### **16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX**

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu.....;
- b) Ghi tên người nhận là Bên mời thầu.....;
- c) Ghi tên gói thầu.....;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước ...giờ, ngày ...(thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Bên mời thầu, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Bên mời thầu cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

## **17. Thời hạn nộp HSDX**

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: **10 giờ 15 phút, ngày 26/08/2025 (thứ ba)**

## **18. HSDX nộp muộn**

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

## **19. Mở HSDX**

Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu tiến hành mở các HSDX và lập biên bản mở thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự buổi mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:
  - Tham dự độc lập hay liên danh;
  - Số lượng bản gốc, bản chụp;
  - Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng;
  - Giá trị giảm giá (nếu có);

- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Giá trị, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm dự thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự buổi mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

## **D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU**

### **20. Giải thích làm rõ HSDX**

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 3 ngày, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

### **21. Đánh giá các HSDX**

Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1, 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.



## 21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

## 21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

## 22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

### **23. Hiệu chỉnh sai lệch**

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSDX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải

có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại

## **24. Thương thảo về hợp đồng**

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,

b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;



b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nêu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

## **25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;

25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

## **26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

Bên mời thầu sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;

c) Giá trúng thầu;

d) Loại hợp đồng;

đ) Thời gian thực hiện hợp đồng;

e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;

g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;

h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

## **E. TRAO HỢP ĐỒNG**

### **27. Điều kiện ký kết hợp đồng**

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

### **28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 17.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

## Chương II

### TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

---

#### **Bước 1: Kiểm tra HSĐX, bao gồm:**

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSĐX;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

#### **Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu của HSYC;

e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phân công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;

i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

**Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                       | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                                                                 | Tài liệu cần nộp                                          |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| ST T                                 | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                               | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                                                                 | Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                       |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       |                                                           |
| 1                                    | Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế           | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính 2024.                                                                                                                                                                | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này                                       |                                                           |
| 2                                    | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 571.493.000VND.                                                                    | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng                                                   | Mẫu số 09                                                 |
| 3                                    | Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự  | Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu<br>Trong đó: | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 06                                                 |





#### Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”.

##### 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu                                                                             | Mức độ đáp ứng                                                                                                                               |                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này nêu tại - Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật | - Có liệt kê chi tiết chủng loại, quy cách, thương hiệu, xuất xứ,... vật tư sử dụng cho gói thầu này đáp ứng Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                              | Không có liệt kê chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này                                                                         | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                                                                              | Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.                                                                                           | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                              | Không thuộc các trường hợp nêu trên.                                                                                                         | <b>Không đạt</b> |

##### 2. Tiêu chuẩn năng lực thực hiện hợp đồng

| Nội dung yêu cầu                              | Mức độ đáp ứng                                                                                                               |                  |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 2.1 Tài liệu chứng minh năng lực của nhà thầu | - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp, hạng III trở lên (còn hiệu lực). | <b>Đạt</b>       |
|                                               | - Không có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp, hạng III trở lên.       | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                               | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.                                                                                    | <b>Đạt</b>       |
|                                               | Tiêu chuẩn chi tiết không đạt.                                                                                               | <b>Không đạt</b> |

##### 3. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu                                                                            | Mức độ đáp ứng                                                                                                              |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 3.1. Có giải pháp Thi công các hạng mục của gói thầu theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật | Có đề xuất giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình. | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                             | Không có đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công không hợp lý.                                                              | <b>Không đạt</b> |
| 3.2. Tổ chức mặt bằng công trình: thiết bị thi                                              | Có sơ đồ tổ chức hiện trường và thuyết minh chi tiết                                                                        | <b>Đạt</b>       |

|                                                         |                                                                                              |                  |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, liên lạc,... | Không có sơ đồ tổ chức hiện trường và thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ, không chi tiết | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                                         | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                           | <b>Đạt</b>       |
|                                                         | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                                         | <b>Không đạt</b> |

#### 4. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                    | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                     |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 4.1. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị                                                            | Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị, bố trí nhân sự đầy đủ chi tiết                                                                         | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                     | Không có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị, bố trí nhân sự đầy đủ chi tiết                                                                   | <b>Không đạt</b> |
| 4.2 Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người                                                    | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                     | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, hoặc có nhưng không đầy đủ và không rõ ràng | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                     | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                                                                                 | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                     | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                                                                                                               | <b>Không đạt</b> |

#### 5. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu                              | Mức độ đáp ứng                                                           |                  |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 5.1. Thời gian thi công hợp lý                | Có bảng tiến độ thi công hợp lý với thời gian $\leq 60$ ngày.            | <b>Đạt</b>       |
|                                               | Đề xuất thời gian thi công vượt quá 60 ngày kể từ ngày có lệnh khởi công | <b>Không đạt</b> |
| 5.2 Tính phù hợp                              |                                                                          |                  |
| a. Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công | Có đề xuất đầy đủ, hợp lý và khả thi cho cả 2 nội dung                   | <b>Đạt</b>       |
| b. Giữa bố trí nhân lực                       | Không đáp ứng yêu cầu trên                                               | <b>Không đạt</b> |

|                                                                           |                                                                       |                  |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|
| và tiến độ thi công                                                       |                                                                       |                  |
| 5.3 Bảng tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật | Bảng tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật | <b>Đạt</b>       |
|                                                                           | Không đáp ứng yêu cầu trên                                            | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                                                           | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                    | <b>Đạt</b>       |
|                                                                           | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                  | <b>Không đạt</b> |

#### 6. Bảo hành, bảo trì

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng                                           |                  |
|------------------|----------------------------------------------------------|------------------|
| Cam kết Bảo hành | - Cam kết: thời gian bảo hành công trình $\geq 24$ tháng | <b>Đạt</b>       |
|                  | Không đáp ứng yêu cầu                                    | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.                | <b>Đạt</b>       |
|                  | Tiêu chuẩn chi tiết không đạt.                           | <b>Không đạt</b> |

#### 7. Biện pháp đảm bảo chất lượng:

| Nội dung yêu cầu                                                                        | Mức độ đáp ứng                                                                                                                      |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Biện pháp đảm bảo Chất lượng vật tư, thiết bị đầu vào và chất lượng công trình thi công | Có Biện pháp đảm bảo Chất lượng vật tư, thiết bị đầu vào và chất lượng công trình thi công hợp lý và khả thi với biện pháp thi công | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                         | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                          | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                                                                         | Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                                                       | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                         | Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.                                                                                          | <b>Không đạt</b> |

#### 8. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng                                                                                                                       |            |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Biện pháp an toàn | Có Biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi, đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật trong quá | <b>Đạt</b> |

|                 |                                               |                  |
|-----------------|-----------------------------------------------|------------------|
|                 | trình thi công                                |                  |
|                 | Không đáp ứng yêu cầu trên                    | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b> | Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | <b>Đạt</b>       |
|                 | Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.    | <b>Không đạt</b> |

#### 9. Các yêu cầu khác:

| <b>Nội dung yêu cầu</b> | <b>Mức độ đáp ứng</b>                                                                                                                                                        |                  |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Có các cam kết          | - Cam kết đóng thuế vãng lai tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp nếu trúng thầu.<br>- Cam kết chịu tất cả các loại thuế phí của toàn bộ vật tư, thiết bị có liên quan đến công trình. | <b>Đạt</b>       |
|                         | - Không có các cam kết trên                                                                                                                                                  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>         | Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                                                                                                | <b>Đạt</b>       |
|                         | Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.                                                                                                                                   | <b>Không đạt</b> |



### **Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.

**ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC với tổng số tiền là \_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(1)</sup> cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]<sup>(2)</sup>.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ \_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Ghi thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(4)</sup>**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(5)</sup>]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSDX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

## GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

*[- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

Ghi chú:

*(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà*

*cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.*

*(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.*

*(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.*

## THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*]

Thuộc: \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]

- Căn cứ \_\_\_\_ [*Luật Đấu thầu*]<sup>(2)</sup>;

- Căn cứ \_\_\_\_<sup>(2)</sup>;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### **Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].



## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thông nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

| STT       | Tên                               | Nội dung công việc đảm nhận    | Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu |
|-----------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1         | Tên thành viên đứng đầu liên danh |                                |                                                       |
| 2         | Tên thành viên thứ 2              |                                |                                                       |
| ....      | ....                              |                                |                                                       |
| Tổng cộng |                                   | Toàn bộ công việc của gói thầu |                                                       |

## Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư, bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH<sup>(5)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### **Ghi chú:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E hoặc 04G) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

## KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

*[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]*

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i><br><input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên.<br><input type="checkbox"/> Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh.<br><input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tự chủ về pháp lý và tài chính</li> <li>• Hoạt động theo luật doanh nghiệp</li> </ul> |
| 5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

## THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

*[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]*

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <p>Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i></p> <p><input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.</p> |
| 4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|                                                                                                                                       |                                                                                               |                                                                                                    |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| Tên và số hợp đồng                                                                                                                    | [ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]                                                     |                                                                                                    |                         |
| Ngày ký hợp đồng                                                                                                                      | [ghi ngày, tháng, năm]                                                                        |                                                                                                    |                         |
| Ngày hoàn thành                                                                                                                       | [ghi ngày, tháng, năm]                                                                        |                                                                                                    |                         |
| Giá hợp đồng <sup>(3)</sup>                                                                                                           | [ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]                                       |                                                                                                    | Tương đương<br>____ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | [ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]                                         | [ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký] | Tương đương<br>____ VND |
| Tên dự án/dự toán mua sắm:                                                                                                            | [ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]                           |                                                                                                    |                         |
| Tên Chủ đầu tư:                                                                                                                       | [ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]                                   |                                                                                                    |                         |
| Địa chỉ:                                                                                                                              | [ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]                                                  |                                                                                                    |                         |
| Điện thoại/fax:                                                                                                                       | [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]                                        |                                                                                                    |                         |
| E-mail:                                                                                                                               | [ghi địa chỉ e-mail]                                                                          |                                                                                                    |                         |
| <b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Khoản 4 Bước 3 Chương II<sup>(2)</sup></b>                                              |                                                                                               |                                                                                                    |                         |
| 1. Loại dịch vụ                                                                                                                       | [ghi thông tin phù hợp]                                                                       |                                                                                                    |                         |
| 2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện <sup>(3)</sup>                                                                                    | [ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng] |                                                                                                    |                         |
| 3. Về quy mô thực hiện                                                                                                                | [ghi quy mô theo hợp đồng]                                                                    |                                                                                                    |                         |
| 4. Các đặc tính khác                                                                                                                  | [ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]                                                         |                                                                                                    |                         |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

**Ghi chú:**

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp

đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó để làm cơ sở đánh giá.



**HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

| St<br>t | Tên<br>hợp<br>đồng | Tên dự<br>án | Tên<br>chủ<br>đầu tư | Giá hợp<br>đồng (hoặc<br>giá trị<br>được giao<br>thực hiện) | Giá trị<br>phần<br>công việc<br>chưa<br>hoàn<br>thành | Ngày<br>hợp<br>đồng có<br>hiệu lực | Ngày kết<br>thúc hợp<br>đồng |
|---------|--------------------|--------------|----------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|
| 1       |                    |              |                      |                                                             |                                                       |                                    |                              |
| 2       |                    |              |                      |                                                             |                                                       |                                    |                              |
| 3       |                    |              |                      |                                                             |                                                       |                                    |                              |
| ...     |                    |              |                      |                                                             |                                                       |                                    |                              |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

*Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.*

# HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

## Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định Khoản 1 Bức 3 Chương II

- ☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- ☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

| Năm | Phản việc hợp đồng không hoàn thành | Mô tả hợp đồng                                                                                                   | Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                     | Mô tả hợp đồng: _____<br>Tên Chủ đầu tư: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____ |                                                                                                |

## Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### Ghi chú:

- (1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

|                                                                                                                 |        |        |        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|
| <p>Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)</p> |        |        |        |
| <p>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC</p>                                           |        |        |        |
|                                                                                                                 | Năm 1: | Năm 2: | Năm 3: |
| Tổng tài sản                                                                                                    |        |        |        |
| Tổng nợ                                                                                                         |        |        |        |
| Giá trị tài sản ròng                                                                                            |        |        |        |
| Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)                                                                     |        |        |        |
| Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup>                                            |        |        |        |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                                            |        |        |        |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                                              |        |        |        |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu

từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có sổ liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU**  
(Bảo đảm của ngân hàng)

**Bên thụ hưởng:** [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

**Ngày:** [điền ngày phát hành]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo đảm:** [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]<sup>(1)</sup> (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng năm \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định tại Chương I;

c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

*(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về dấu thầu nêu trong HSYC.”*

*(2) Ghi theo quy định tại Chương I.*

*(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I*



**BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN**  
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

| STT | Danh mục dịch vụ                                                               | Mô tả dịch vụ          | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính       | Địa điểm thực hiện dịch vụ                                                          | Ngày hoàn thành dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|---------|------------|
| (1) | (2)                                                                            | (3)                    | (4)                 | (5)               | (6)                                                                                 | (7)                     | (8)                                         | (9)     | (10)       |
|     | <b>I. VẪN PHÒNG LÀM VIỆC:</b>                                                  | quy định tại chương IV |                     |                   | Tổng kho<br>xd Trần<br>Quốc Toàn<br>- QL30,<br>Phường Mỹ<br>Ngãi, tỉnh<br>Đồng Tháp | ≤ 60 ngày               |                                             |         |            |
| 1   | Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤ 6m                                  |                        | 642,878             | m <sup>2</sup>    |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 2   | Tháo dỡ trần                                                                   |                        | 6,000               | m <sup>2</sup>    |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 3   | Dọn rác trên sân                                                               |                        | 1,000               | trọn gói          |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 4   | Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột                           |                        | 2.036,058           | m <sup>2</sup>    |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 5   | Lợp mái che tường bằng tôn mui, chiều dài bất kỳ                               |                        | 6,711               | 100m <sup>2</sup> |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 6   | Bả bằng bột bả vào tường                                                       |                        | 436,193             | m <sup>2</sup>    |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 7   | Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ |                        | 1.626,720           | m <sup>2</sup>    |                                                                                     |                         |                                             |         |            |
| 8   | Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ |                        | 380,538             | m <sup>2</sup>    |                                                                                     |                         |                                             |         |            |

|    |                                                                                          |  |         |      |  |  |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|------|--|--|--|--|--|
| 9  | Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao                                                   |  | 6,000   | m2   |  |  |  |  |  |
| 10 | Cung cấp và lắp đặt Chi trần thạch cao, loại rộng 15cm                                   |  | 8,000   | md   |  |  |  |  |  |
| 11 | Quét dung dịch chống thấm mái, sênô, ô văng                                              |  | 133,650 | m2   |  |  |  |  |  |
| 12 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 114mm |  | 0,342   | 100m |  |  |  |  |  |
| 13 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 42mm  |  | 0,024   | 100m |  |  |  |  |  |
| 14 | Lắp đặt co nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 114mm                        |  | 6,000   | cái  |  |  |  |  |  |
|    | <b>II. NHÀ NGHỈ NHÂN VIÊN:</b>                                                           |  |         |      |  |  |  |  |  |
| 15 | Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao <6m                                             |  | 127,200 | m2   |  |  |  |  |  |
| 16 | Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao <28m                                   |  | 0,054   | tấn  |  |  |  |  |  |
| 17 | Cắt tường bê tông bằng máy - Chiều dày <20cm                                             |  | 10,000  | m    |  |  |  |  |  |
| 18 | Đục mở tường làm cửa, loại tường xây gạch chiều dày <22cm                                |  | 0,800   | m2   |  |  |  |  |  |



|                                                                     |                                                             |         |                   |  |  |  |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------|-------------------|--|--|--|--|--|--|
|                                                                     | <b>III. NHÀ XUẤT XE BÓN:</b>                                |         |                   |  |  |  |  |  |  |
| 30                                                                  | Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$      | 3,291   | 100m <sup>2</sup> |  |  |  |  |  |  |
| 31                                                                  | Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$          | 128,057 | m <sup>2</sup>    |  |  |  |  |  |  |
| 32                                                                  | Lợp mái che tường bằng tôn mui, chiều dài bất kỳ            | 3,844   | 100m <sup>2</sup> |  |  |  |  |  |  |
| 33                                                                  | Cung cấp và lắp đặt máng xối tôn phẳng dày 5 dzem, khổ 1,2m | 23,760  | m <sup>2</sup>    |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b> |                                                             |         |                   |  |  |  |  |  |  |

## Đại diện hợp pháp của nhà đầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(8): Nhà thầu điện.

(9), (10): Nhà thầu điện đơn gia, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

## Chương IV

### YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### 1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn
- Gói thầu: Phi tư vấn - Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp
- Địa điểm xây dựng: QL30, Phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày

#### 2. Mục tiêu công việc:

Công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn, thuộc phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp. Khối lượng của hạng mục: Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn theo hồ sơ hoàn công và biên bản khảo sát hiện trạng số 03/BB.KSHT ngày 09/6/2025.

##### 2.1 Văn phòng làm việc:

Tháo dỡ mái tôn, tháo dỡ trần, cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt tường trụ cột, lợp mái che bằng tôn, bả bột và sơn tường dặm trần...

##### 2.2 Nhà nghỉ nhân viên:

Tháo dỡ mái tôn và lợp mái tôn, cất tường, xây tường, bả và sơn tường, đóng trần tấm thạch cao,...

##### 2.3 Nhà xuất xe bồn:

Tháo dỡ mái tôn và lợp mái tôn,...

#### 3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chi dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt (nếu có). Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

- Tất cả vật tư được sử dụng trong gói thầu này đều mới, chưa từng qua sử dụng. Nhà thầu phải thực hiện đúng yêu cầu theo quy định

#### Một số vật tư chính:

| Stt | Tên vật tư                         | Yêu cầu                  |
|-----|------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Bột bả                             | SPEC FILLER INT-EXTERIOR |
| 2   | Tôn múi lợp mái, dày 5 dzem, lạnh, | Đồng Á                   |

|    |                              |                                         |
|----|------------------------------|-----------------------------------------|
| 3  | Máng xối tông phẳng dày 5dem | Đồng Á                                  |
| 4  | Ống nhựa                     | PVC Bình Minh                           |
| 5  | Xi măng PCB40                | Hà Tiên; Insee(holcim) hoặc tương đương |
| 6  | Sơn lót nội thất             | SPEC ALKALI PRIMER FOR IN               |
| 7  | Sơn phủ nội thất             | SPEC EASY WASH                          |
| 8  | Sơn lót ngoại thất           | SPEC ALKALI LOCK                        |
| 9  | Sơn phủ ngoại thất           | SPEC FAST EXTERIOR                      |
| 10 | Dung dịch chống thấm         | PUMA                                    |

#### **4. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

Cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng.



**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG****Đối tượng thụ hưởng:** *[điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]***Ngày:***[điền ngày phát hành]***BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ:** *[điền số Bảo lãnh]***Bên bảo lãnh:** *[điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]*

Chúng tôi được thông báo rằng \_ *[điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh]* (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. *[điền số trích yếu của Hợp đồng]* ngày *[điền ngày]* với Người thụ hưởng để thực hiện \_ *[điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình]* (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[điền số tiền bằng số]* ( *[điền số tiền bằng chữ]*<sup>1</sup>, theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng ....., 2...<sup>2</sup>, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

---

*[chữ ký]*

<sup>1</sup> Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ để chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

<sup>2</sup> Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

**Chương V**  
**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG <sup>(3)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

<sup>(3)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

(trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ với các nội dung sau:

#### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là thi công Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc, nhà nghỉ nhân viên và nhà xuất xe bồn thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn được nêu tại Phụ lục kèm theo.

#### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

#### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách

nhiệm được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán:
  - a) Hình thức thanh toán \_\_\_\_\_ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...*].
  - b) Thời hạn thanh toán \_\_\_\_\_ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].
  - c) Số lần thanh toán \_\_\_\_\_ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

### **Điều 6. Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định**

### **Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, IISDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

### **Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
  - a) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
  - b) Khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng
  - c) Các nội dung khác (nếu có).
2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

### **Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
  - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ ngày trước khi ký hợp đồng*].
  - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính*].
  - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo*

*đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa/dịch vụ được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: \_\_\_\_ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

#### **Điều 10. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

#### **Điều 11. Bảo hành**

1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **24 tháng**;

b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị



cho đến hết thời gian bảo hành.

2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên

#### **Điều 12. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: \_\_\_\_\_ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: \_\_\_\_\_ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

#### **Điều 13. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_\_ bộ, chủ đầu tư giữ \_\_\_\_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSYC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*